

Bản án số: **21/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 19 - 4 - 2019

“V/v xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng Giang

Ông Nguyễn Văn Thạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Liên Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2019/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 về xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đoan T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: 4/7/185 đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đôn T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Hoa Kỳ; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đoan T đề ngày 02/10/2018 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2016, chị Nguyễn Thị Đoan T và anh Nguyễn Đôn T bắt đầu quen biết và tìm hiểu nhau qua mạng xã hội Facebook. Tháng 05 năm 2017, anh T về Việt Nam và tổ chức lễ đính hôn và đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Huế và được UBND thành phố Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/5/2017. Sau đó anh T về Hoa Kỳ để làm thủ tục bảo lãnh chị T sang Mỹ, thời gian này hai anh chị vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại và mạng

Facebook. Đến tháng 10 năm 2017, thì anh T về nước và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán cổ truyền tại nhà của chị T ở nhà số 4/7/185 đường N, phường P, thành phố H. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau tại nhà của gia đình anh T số nhà 189 đường Đ, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Khoảng 1 tháng sau khi kết hôn thì anh T trở về Hoa Kỳ. Từ đó, hai vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại và mạng Facebook nhưng nhiều lần anh T có những lời lẽ xúc phạm, nghi ngờ tình cảm vợ chồng mà không có giải pháp hàn gắn nên chị T thấy tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và đến bây giờ thì cả hai không còn yêu thương nhau nữa. Mặt khác, khả năng vợ chồng đoàn tụ là không thể do thủ tục bảo lãnh đoàn tụ vợ chồng phức tạp và cả hai đều không còn mong muốn đoàn tụ nên chị T xin ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Đôn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, công văn yêu cầu anh trả lời một số vấn đề cần thiết liên quan đến việc chị T xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà chị T đề nghị Tòa án sao gửi cho anh T. Vào ngày 18/3/2019, Tòa án đã nhận được thư trả lời của anh Nguyễn Đôn T đề ngày 05/3/2019, thư có nội dung: Anh Nguyễn Đôn T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, hồ sơ và công văn do Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế gửi cho anh. Anh đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị T; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh và chị T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc không về Việt Nam tham gia phiên họp và phiên tòa được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Đoan T cam đoan xác nhận chữ viết trên bì thư và chữ ký trong thư đề tên anh Nguyễn Đôn T gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đề ngày 05/3/2019 đúng là chữ viết và chữ ký của anh Nguyễn Đôn T.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; xét bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đôn T.

Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng và về nội dung giải quyết vụ án, tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 122, khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đoan T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Nguyễn Đôn T và chị Nguyễn Thị Đoan T kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn hợp pháp và được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/5/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau tại Việt Nam được một thời gian ngắn thì anh T trở về Hoa Kỳ. Anh T đã làm thủ tục bảo lãnh cho chị T sang Hoa Kỳ để đoàn tụ nhưng chưa có kết quả thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Do cả hai sống xa nhau, không có điều kiện gần gũi, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Xét thấy, hiện nay chị T và T mỗi người sống một nơi, khả năng vợ chồng hàn gắn tình cảm và đoàn tụ là rất khó, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Nguyễn Đôn T cũng đã hồi đáp thư cho Tòa án về việc đồng ý ly hôn và xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Nguyễn Đôn T đều xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đoan T phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Khoản 2 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Đoan T được ly hôn với anh Nguyễn Đôn T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đoan T và anh Nguyễn Đôn T xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đoan T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 005488 ngày 25/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chị Nguyễn Thị Đoan T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Đôn T có quyền kháng cáo bản án này

trong thời hạn một tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa DS;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trọng